

Số: 2013/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 19 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung

trong lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 198/TTr-SNN ngày 15 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận (*chi tiết tại phụ lục I kèm theo*).

2. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (*chi tiết tại phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ thủ tục hành chính tại số thứ tự 1 mục I phần B Phụ lục I Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC.Châu



Phụ lục I

VỀ VIỆC CÔNG BỐ DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BÌNH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 2013 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Thủ tục hành chính mới ban hành (02 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI		
1	1.012847	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên.	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: + Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật; + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; + UBND tỉnh.	Chưa triển khai	Có	Không	Điều 11, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.
2	1.012848	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa	12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết:	Chưa triển khai	Có	Không	Điều 13, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.

		đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên.		+ Sở Tài nguyên và môi trường + Sở Tài chính				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. Thủ tục hành chính mới ban hành (02 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI		
1	1.012849	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên.	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố. - Cơ quan giải quyết: + Cơ quan chuyên môn cấp Huyện + UBND cấp Huyện.	Chưa triển khai	Có	Không	Điều 11, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.
2	1.012850	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên	12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố. - Cơ quan giải quyết:	Chưa triển khai	Có	Không	Điều 13, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.

		trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên.		+ Cơ quan chuyên môn cấp Huyện + Cơ quan Tài chính cấp Huyện				
--	--	---	--	---	--	--	--	--

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (01 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI		
1	1.008.004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất lúa.	05 ngày ngày làm việc.	- Tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận 01 của UBND cấp xã - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã	Chưa triển khai	Có	Không	Điều 18, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.

Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Kèm theo Quyết định số 2013 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Thủ tục hành chính mới ban hành

1. Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên (Mã số TTHC: 1.012847)

Trình tự công việc	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	Hướng dẫn, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ.	Giờ hành chính
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, công chức tại Trung tâm HCC tỉnh tiếp nhận hồ sơ và lập giấy tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.	
		Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, công chức tại Trung tâm HCC tỉnh hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	
		Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức tại Trung tâm HCC tỉnh phải nêu rõ lý do.	
Bước 2	CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.	0,5 ngày
Bước 3	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.	Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và tham mưu Tờ trình chuyển Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	11,5 ngày
Bước 4	Sở Nông nghiệp và PTNT	Xem xét, trình UBND tỉnh quyết định Thẩm định phương án.	03 ngày
Bước 5	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	Chuyển kết quả thẩm định hồ sơ cho CCVC tiếp nhận hồ sơ của VP.UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 6	CCVC tiếp nhận và trả kết quả của VP.UBND tỉnh	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý.	01 ngày

Bước 7	CBCC phòng chuyên môn của VP.UBND tỉnh	Xem xét hồ sơ, dự thảo văn bản trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt	01 ngày
Bước 8	Lãnh đạo VP.UBND tỉnh	Xem xét, thông qua dự thảo văn bản xử lý hồ sơ	01 ngày
Bước 9	Lãnh đạo UBND Tỉnh	Ký phê duyệt kết quả	01 ngày
Bước 10	CCVC tiếp nhận và trả kết quả của VP.UBND tỉnh	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho CCVC tại Trung tâm HCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 11	Công chức tại Trung tâm HCC tỉnh	- Nhận kết quả từ CCVC tiếp nhận và trả kết quả của VP.UBND tỉnh. - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Giờ hành chính
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			20 ngày